TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/HS-ST
Ngày 06 - 4 -2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoàng Hanh
Ông Lê Duy Toản

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quang Thế - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02 và ngày 06 tháng 04 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2026/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Quốc D, T gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 07 năm 1990; CCCD: 051090008241 cấp ngày 05 tháng 05 năm 2022; Nơi cấp: Cục C2 về TTXH Bộ C3; Tại: Quảng Ngãi; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quãng Ngãi; Nơi ở hiện tại: Thôn P, xã P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Thợ hàn; Trình độ học vấn: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn K, Sinh năm: 1963; Con bà: Nguyễn Thị T1, Sinh năm: 1968; Bị cáo D chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07 tháng 5 năm 2025 đến nay. (có mặt)

- Bị hại:

1. Công ty TNHH N1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Như C, sinh năm 1963 - Chức vụ: giám đốc.

Địa chỉ: Khu phố E, phường P, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị hại công ty N1: Luật sư Phạm Cao K1 thuộc công ty L1. (có mặt)

2. Công ty cổ phần Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Kim H, sinh năm 1990 - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã B, tỉnh Đồng Nai.

3. Công ty TNHH S.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982 - Chức vụ: Giám đốc. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã B, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Tổng công ty B1;

Địa chỉ: Số G L, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần C1 – Phó Giám đốc công ty B2. (Có mặt).

2. Công ty B2

Địa chỉ: Số A đường T, phường B, tỉnh Đồng Nai

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H1 – trưởng phòng kinh doanh Công ty B2. (Có mặt)

3. Nguyễn Quốc D1, sinh năm: 2001;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quãng Ngãi. (có mặt)

4. Công ty cổ phần Đại Hoàng Kim

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Kim H, sinh năm 1990 - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã B, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 26/12/2024, tại nhà kho chứa hạt điều của Công ty N1, địa chỉ: thôn P, xã B, tỉnh Đồng Nai xảy ra cháy. Sau đó có cháy lan sang công ty S bên cạnh. Đến khoảng 8 giờ ngày 27 tháng 12 năm 2024 vụ cháy được khống chế. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định được:

Ngày 19/11/2024, Công ty N1 và công ty cổ phần Đ ký hợp đồng số 03/2024/HĐNLMT, nội dung hợp đồng: công ty Đ thực hiện công việc lắp đặt hệ thống bin năng lượng mặt trời cho công ty N1. Sau khi ký hợp đồng, ngày 26/12/2024, Ngô Huy P - giám đốc công ty Đ thuê Đỗ Thiện T2 và T2 gọi thêm Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thanh V, Quách Đại P1, Mai Văn T3 cùng làm.

Khoảng 14 giờ ngày 26/12/2024, Đỗ Thiện T2 cùng Nguyễn Quốc D, Nguyễn Thanh V, Quách Đại P1, Mai Văn T3 mang theo 02 máy hàn, 01 thang tre, 01 thang sắt và một số bó que hàn đến công ty N1 để lắp đặt bin năng lượng mặt trời lên mái tôn nhà kho của công ty N1. D dùng thang tre leo lên mái hiên nhà kho rồi dùng sợi dây dù kéo mỏ hàn lên đặt trên mái hiên nhà kho rồi tiếp tục kéo một đầu thang sắt lên, D cố định thang sắt vào mái hiên để thuận tiện cho việc leo trèo lên mái nhà kho để lắp đặt khung của hệ thống năng lượng. Tuy nhiên do thang sắt dài không áp sát được vào vách mái tôn nhà kho nên Duy hạ thang sắt xuống mái hiên và dùng mỏ hàn cắt đứt bớt thang sắt, mục đích cắt cho thang sắt ngắn lại. Khi cắt V giữ dây dù để cố định ngọn thang vào mái hiên. Quá trình bị cáo Duy cắt thang sắt đã làm các hạt kim loại hàn nóng chảy liên tục bắn văng ra xung quanh và lọt qua khe hở của lá tôn vào bên trong kho gây cháy các bao bố chứa hạt điều gần vị trí của D hàn khoảng 03m.

Sau khi D cắt thang sắt được khoảng 05 phút, V thấy khói bốc lên trong nhà xưởng gần vị trí của D nên báo cho T2 đi kiểm tra, T2 đi vào phát hiện đám cháy bùng phát khoảng 10m^2, sau đó cháy lan rộng và cháy sang công ty S bên cạnh.

Tại bản kết luận giám định số 157 ngày 16/01/2025 của Phân viện khoa học hình sự Bộ C3 tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Điểm xuất phát cháy đầu tiên nằm ở khu vực phía trước bên trong kho chứa hàng (sát vách tường phía Đông Bắc) của Công ty TNHH N1 thuộc thôn P, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước (cũ).

- Nguyên nhân cháy là do sơ xuất bất cẩn trong lúc hàn cắt kim loại đã làm hình thành các hạt kim loại hàn nóng chảy mang nhiệt độ cao liên tục bắn văng ra xung quanh rơi xuống gây cháy các vật liệu dễ cháy (bao bố chứa hạt điều…) ở phía dưới bên trong kho chứa hàng và từ đây đám cháy phát triển đi các hướng gây cháy lớn.

Hậu quả: Công ty N1 bị tổng thiệt hại: 22.924.775.343 đồng (Hai mươi hai tỷ, chín trăm hai mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi lăm ngàn, ba trăm bốn mươi ba đồng); Công ty Đ bị tổng thiệt hại: 1.490.361.649 đồng (Một tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, ba trăm sáu mươi mốt ngàn, sáu trăm bốn mươi chín đồng) và Công ty S không thực hiện được việc định giá tuy nhiên các bên thỏa thuận thiệt hại 300 triệu và công ty N1 đã bồi thường nên công ty S không có yêu cầu gì. Cụ thể thiệt hại như sau:

Công ty N1 thiệt hại:

Nhà xưởng chứa hạt điều thô kích thước (62,2 x 31,8)m, có kết cấu nền xi măng bê tông, khung kèo sắt, tường bao xung quanh cao 2,3m, phần còn lại của tường là khung kim loại và tôn. Mái nhà kho dạng chữ "V" loại hai mái, vị trí cao nhất của mái cao 11 mét, vị trí thấp nhất hai bên mái là 8,15 mét tại thời điểm ngày 26/12/2024 có giá trị là 2.669.850.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng).

Hạt điều thô nhập khẩu nước ngoài (hình thức tạm nhập tái xuất) số lượng 1.392.000 kg (1.392 tấn) bị thiệt hại 41,26% trong vụ cháy gồm:

- 58.176,6kg (41,26% của 141.000kg) hạt điều thô tên hàng hóa: Dried Raw Cashew N in shell, nguồn gốc G với giá nhập khẩu là 34.784đ/kg.

Thành tiền: 58.176,6kg x34.784 đồng/kg = 2.023.614.854 đồng.

- 159.676,2kg (41,26% của 387.000kg) hạt điều thô nhập khẩu, tên hàng hóa Dried Raw Cashew Nuts in shell, nguồn gốc I với giá nhập khẩu là 25.142đ/kg.

Thành tiền: 159.676,2 kg x25.142 đồng/kg = 4.014.579.020 đồng

- 57.764kg (41,26% của 140.000kg) hạt điều thô nhập khẩu, tên hàng hóa Dried Raw Cashew Nuts in shell, nguồn gốc G với giá là 34.784đ/kg.

Thành tiền: 57.764 kg x 34.784 đồng/kg = 2.009.262.976 đồng

- 56.939,8 kg (41,26% của 138.000kg) hạt điều thô nhập khẩu, tên hàng hóa Dried Raw Cashew Nuts in shell, nguồn gốc Gana với giá nhập khẩu là 34.784đ/kg.

Thành tiền: 56.939,8 kg x 34.784 đồng/kg = 1.980.594.003 đồng

- 30.945 kg (41,26% của 75.000kg) hạt điều thô nhập khẩu, tên hàng hóa Dried Raw Cashew Nuts in shell, nguồn gốc I với giá là 35.957đ/kg.

Thành tiền: 30.945 kg x 35.957 đồng/kg = 1.112.689.365đồng

- 85.324 kg (33,33% của 256.000kg) hạt điều thô nhập khẩu, tên hàng hóa Dried Raw Cashew Nuts in shell, nguồn gốc Tanzania với giá nhập khẩu là 47.834đ/kg.

Thành tiền: 85.324,8 kg x 47.834 đồng/kg = 4.081.426.483 đồng

- 105.213 kg (41,26% của 255.000kg) hạt điều thô nhập khẩu, tên hàng hóa Dried Raw Cashew Nuts in shell, nguồn gốc Tanzania với giá nhập khẩu là 47.834đ/kg.

Thành tiền: 105.213 kg x 47.834 đồng/kg = 5.032.758.642 đồng

Tổng cộng: 20.254.925.343 đồng (Hai mươi tỷ, hai trăm năm mươi bốn triệu, chín trăm hai lăm ngàn, ba trăm bốn mươi ba đồng)

Công ty Đ thiệt hại:

- 544 tấm pin năng lượng mặt trời hiệu Leapton nhập khẩu từ Trung Quốc với giá 1.823.976đ/tấm.

Thành tiền: 544 tấm x 1.823.976 đồng/ tấm = 992.242.944 đồng.

- 4.347,10kg thép cuộn mua của Công ty TNHH T4 với giá 20.440đ/kg

Thành tiền: 4.347,10kg x 20.440đ = 88.854.724 đồng.

- 550,97kg thép lá mua của Công ty TNHH T4 với giá 16.830đ/kg

Thành tiền: 550,97kg x 16.830đ = 9.272.825 đồng.

- 280 chai chất kết dính Silicon Apollo mua của Công ty TNHH T4 với giá 45.584đ/chai.

Thành tiền: 280 chai x 45.584đ = 12.763.520 đồng.

- 6000 mét dây cáp điện thoại (DC CABLE 1.5KV H1Z2Z2-K) mua của công ty cổ phần C4 với giá 15.864đ/mét

Thành tiền: 6000 mét x 15.864đ = 95.184.000 đồng.

- 60.000 con bulon mua của công ty TNHH S1 với giá 190đ/con

Thành tiền: 60.000 con x 190đ = 11.400.000 đồng.

- 60.000 con tán M8 mua của công ty TNHH S1 với giá 103đ/con

Thành tiền: 60.000 con x 103đ = 6.180.000 đồng.

- 1.000 bộ kẹp sống vuông IIol. GMT-04.1-F mua của công ty TNHH I với giá 13.300đ/bộ

Thành tiền: 1.000 bộ x 13.300đ = 13.300.000đồng.

- 04 bộ biến tần Invertr hòa lưới 03 pha, 110KW, 6 MPPT mua của công ty TNHH T5 với giá 65.290.909đ/bộ

Thành tiền: 04 bộ x 65.290.909đ = 261.136.636 đồng.

Công ty S kê khai do bị cháy gây thiệt hại:

01 xe đạp điện mua tháng 6/2022

01 Ti vi hiệu Sony 14inch mua tháng 6/2022

01 tủ lạnh hiệu S2 mua 12/2020

01 bộ bàn ghế gỗ đỏ, 06 món, tay 14 mua tháng 12/2020

01 bộ (02 cánh) của văn phòng kính cường lực loại 10 ly

Tại công văn số: 4414/STC-HĐĐGTS ngày 03/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đồng Nai trả lời: Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ có văn bản xác nhận tình trạng ban đầu của tài sản trước khi bị hủy hoại, hư hỏng, bị mất, thất lạc, bổ sung hồ sơ thể hiện quy cách, đặc điểm chi tiết của từng loại tài sản (loại, nhãn hiệu, thông tin đặc điểm của tài sản, nguồn gốc, xuất xứ) năm sản xuất, năm đưa vào sử dụng; Hợp đồng mua bán, hóa đơn mua bán. Tuy nhiên không thu thập được các tài liệu cần thiết để định giá các tài sản nêu trên. Tuy nhiên giữa Công ty N1 và công Nhất Lâm thỏa thuận giá thiệt hại về tài sản 300.000.000 đồng và công ty N1 đã bồi thường cho công ty S và Công ty S không có yêu cầu gì.

Vật chứng:

- 02 (hai) đoạn que hàn đã sử dụng, một que dài 6,6cm, một que dài 6,2cm cùng đường kính 0,3cm

- 01 (một) bó que hàn, kích thước (30x5,8)cm.

- 03 (ba) đoạn kim loại hình hộp cùng kích thước cạnh (3 x 6)cm, một đoạn dài 19,5cm, một đoạn dài 9,2cm và một đoạn dài 3,5cm

- 01 (một) cuộn dây điện màu đen dài 19,8m, một đầu dây gắn với kẹp kim loại màu đỏ.

- 01 (một) tủ điện bằng kim loại, kích thước (18,2x11,4)cm, bên trong gắn 01 cầu

dao điện

- 03 (ba) sợi dây điện cùng đường kính 1cm, 01 dây dài 17m, 01 dây dài 4,9m, 01 dây dài 2,9m

- 01 (một) máy hàn màu xanh, nhãn hiệu "ARC 225 mos"

- 01 (một) máy cắt hiệu Makta, màu xanh

- 01 (một) ổ cắm điện với đoạn dây dẫn điện, bên ngoài có ống nhựa bao bọc, nhựa bị cháy và dây dẫn điện bị cháy hết lớp vỏ cách điện, lộ lõi đồng nhiều sợi, đứt đoạn.

- 02 (hai) đoạn dây kim loại, màu đồng, nhiều lõi.

- Số lượng 1.371.914,04 kg hạt điều thô. Quá trình điều tra xác định được là tài sản hợp pháp của công ty N1.

Về trách nhiệm dân sự:

Công ty cổ phần Đ không yêu cầu Nguyễn Quốc D bồi thường.

Đối với Công ty S xác nhận thiệt hại 300.000.000 đồng, ông Trương Như C – Giám đốc công ty N1 đã bồi thường nên Công ty S không yêu cầu gì thêm.

Đối với Công ty N1 bị thiệt hại 22.924.775.343 đồng + 300.000.000 đồng đề bù cho công ty S, hiện tại đã được bảo hiểm rủi ro của Công ty B2 và công ty B2 bồi thường được tổng số tiền 29.746.126.837 đồng. Công ty N1 yêu cầu công ty Đ bồi thường thiệt hại các khoản chi phí khác phát sinh từ vụ cháy gồm: tiền lãi Ngân hàng; tiền thuê kho bãi; tiền thuê bốc vác điều sau khi cháy xảy ra, tiền thuê người phơi điều và số tiền 300.000.000 đồng đề bù cho công ty S. Tổng số tiền 2.220.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu đồng). Công ty N1 không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Công ty B2 và công ty B2 yêu cầu bị cáo D và Công ty Đ liên đới bồi hoàn toàn bộ thiệt hại mà công ty B2 và công ty B2 đã bồi thường cho công ty N1 với tổng số tiền 29.746.126.837 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 01/CT – VKSKV11 ngày 08/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc D phạm tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy " theo điểm c khoản 3 Điều 313 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

* Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Quốc D tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy " theo điểm c khoản 3 Điều 313 Bộ luật hình sự năm 2015; bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có các tình tiết giảm nhẹ: "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" "bị cáo đã bồi thường một phần thiệt thiệt hại"; " bị hại xin giảm nhẹ hình phạt"; "bị cáo có nhân thân tốt" được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 3 Điều 313; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 30, 50 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án từ 07 năm đến 08 năm tù.

Vật chứng đề nghị tịch thu tiêu hủy:

02 (hai) đoạn que hàn đã sử dụng, một que dài 6,6cm, một que dài 6,1cm cùng đường kính 0,4cm; 01 (một) bó que hàn, kích thước (30x5,8)cm; 03 (ba) đoạn kim loại hình hộp cùng kích thước cạnh (3 x 6)cm, một đoạn dài 19cm, một đoạn dài 9,2cm và một đoạn dài 3,5cm; 01 (một) sợi dây điện màu đen dài 19,8m, một đầu dây gắn với kẹp kim loại màu đỏ; 01 (một) tủ điện bằng kim loại, kích thước (18,2x11,4)cm, bên trong gắn 01 cầu dao điện; 03 (ba) sợi dây điện cùng đường kính 1cm, 01 dây dài 17m, 01 dây dài 4,9m, 01 dây dài 2,9m; 01 (một) máy hàn màu xanh, nhãn hiệu "ARC 225 mos"; 01 (một) máy cắt hiệu Makita, màu xanh; 01 (một) ổ cắm điện với đoạn dây dẫn điện, bên ngoài có ống nhựa bao bọc, nhựa bị cháy và dây dẫn điện bị cháy hết lớp vỏ cách điện, lộ lõi đồng nhiều sợi, đứt đoạn; 02 (hai) đoạn dây kim loại, màu đồng, nhiều lõi.

Về trách nhiệm dân sự:

Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Quốc D về việc bồi hoàn số tiền thiệt hại đối với công ty B2 và công ty B3 với số tiền thiệt hại 22.924.775.343 đồng

Đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của công ty Đ và công ty N1 về việc bồi thường số tiền 300 triệu mà công ty N1 đã bồi thường cho công ty S và số tiền chi phí phát sinh do vụ cháy gây ra với tổng số tiền bồi thường là 1,7 tỷ đồng. Tổng số tiền là 2 tỷ đồng.

* Quan điểm của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:

Việc điều tra truy tố còn bỏ lọt tội phạm. Cụ thể: Đỗ Thiện T2, Nguyễn Thanh V, Quách Đại P1, Mai Văn T3 và Nguyễn Quốc D đều là công nhân của công ty Đ; cùng thực hiện công việc vào ngày 26/12/2024 tại Công ty N1, những người này đều có lỗi khi không thực hiện các biện pháp phòng cháy chữa chày. Do đó Đỗ Thiện T2, Nguyễn Thanh V, Quách Đại P1, Mai Văn T3 là đồng phạm với Nguyễn Quốc D.

Đối với Ngô Huy P - Giám đốc công ty Đ không thực hiện việc kiểm tra, giám sát để xảy ra cháy nên phải truy tố P tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định tại Điều 360 của Bộ luật hình sự.

Trách nhiệm dân sự: bị cáo D là người làm công của công ty Đ nên công ty Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho công ty N1 các chi phí phát sinh.

* Công ty Đ và công ty N1 thỏa thuận công ty Đ bồi thường cho công ty N1 số tiền tổng cộng 2 tỷ đồng. Trong đó 300 triệu mà công ty N1 đã bồi thường cho công ty S và các thiệt hại phát sinh từ việc cháy đối với công ty N1.

* Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo D thừa nhận hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng truy tố; không có lời bào chữa nào khác.

Bị cáo D đồng ý bồi hoàn số tiền bị cáo gây thiệt hại 22.924.775.343 đồng lại cho công ty B2 và công ty B2.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai, nên việc vắng mặt những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292, 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt.

[3] Xét thấy lời khai của bị cáo Nguyễn Quốc D phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp biên biên bản hiện trường. Do đó, có cơ sở khẳng định: Bị cáo Nguyễn Quốc D là thợ hàn (không có chứng chỉ về hàn điện), khoảng 14 giờ ngày 26/12/2024, tại nhà kho chứa hạt điều của Công ty N1 tại thôn P, xã B, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Quốc D sử dụng máy hàn điện cắt kim loại (thang sắt) nhưng không trang bị tấm chắn tia kim loại nóng chảy bắn ra, không theo dõi quá trình hàn một cách an toàn nên các hạt kim loại hàn nóng chảy nhiệt độ cao liên tục bắn ra lọt qua khe hở sóng âm dương

của lá tôn rơi vào bên trong kho nơi có chứa bao bố chứa hạt điều thô (vật dụng dễ cháy), từ đó các xỉ hàn này có thời gian ủ cháy và bốc cháy dẫn đến cháy lây lan toàn bộ xưởng và các đồ vật thiết bị liên quan. Hậu quả gây thiệt hại về tài sản là 24.415.136.992 đồng. Hành vi của bị cáo D đã vi phạm quy định tại Mục 2,2,12 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 03:2011/BL ĐTBXH ngày 29/7/2011 của Bộ L2 về an toàn lao động với máy hàn điện và công việc hàn điện và vi phạm an toàn về phòng cháy, chữa cháy tại điểm c, d tiết 3b khoản 2 Điều 1 của Luật phòng cháy, chữa cháy.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đồng Nai truy tố bị cáo Nguyễn Quốc D theo điểm c khoản 3 Điều 313 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về phòng cháy, chữa cháy, gây thiệt hại về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bản thân bị cáo là người không có chứng chỉ hàn điện nhưng vẫn thực hiện công việc thi công hàn điện, bị cáo là người trực tiếp gây cháy. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo Nguyễn Quốc D không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: "thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; "bị cáo tác động gia đình bị cáo bồi thường thiệt hại"; "bị hại xin giảm nhẹ hình phạt"; "bị cáo có nhân thân tốt". Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6]. Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, xét thấy:

Các đối tượng liên quan gồm: Đỗ Thiện T2, Nguyễn Thanh V, Quách Đại P1, Mai Văn T3 là những người tuy cùng thực hiện công việc với bị cáo Nguyễn Quốc D vào ngày 26/12/2024 tại công ty N1 khi xảy ra cháy nhưng T2, V, P1 và T3 không phải là người thực hiện hành vi gây cháy và gây ra thiệt hại nên không phạm tội.

Quá trình điều tra không có căn cứ xác định bị cáo là người lao động của công ty Đ. Công ty Đ không phải là người sử dụng lao động. Phác đã thuê T2 thực hiện công việc và T2 gọi thêm bị cáo D và V, P1, T3 cùng làm nên P không phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo quy định định tại Điều 360 Bộ luật hình sự. Đồng thời không có căn cứ buộc công ty Đ phải bồi thường thiệt hại do người của pháp nhân gây ra theo quy định tại Điều 597 Bộ luật dân sự.

[7]. Đối với ý kiến của công ty B2 và công ty B2, xét thấy:

Giữa công ty Đ và bị cáo Nguyễn Quốc D không tồn tại quan hệ pháp luật lao động. Bị cáo D không phải là người lao động của công ty Đ nên không buộc công ty Đ phải có nghĩa vụ bồi hoàn số tiền bảo hiểm đã chi trả. Nghĩa vụ bồi hoàn số tiền bảo hiểm là của bị cáo D.

[8] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

[9] Vật chứng của vụ án:

- 02 (hai) đoạn que hàn đã sử dụng, một que dài 6,6cm, một que dài 6,1cm cùng đường kính 0,3cm; 01 (một) bó que hàn, kích thước (30x5,8)cm; 03 (ba) đoạn kim loại hình hộp cùng kích thước cạnh (3 x 6)cm, một đoạn dài 19,5cm, một đoạn dài 9,2cm và một đoạn dài 3,5cm; 01 (một) sợi dây điện màu đen dài 19,8m, một đầu dây gắn với kẹp kim loại màu đỏ; 01 (một) tủ điện bằng kim loại, kích thước (18,2x11,4)cm, bên trong gắn 01 cầu dao điện; 03 (ba) sợi dây điện cùng đường kính 1cm, 01 dây dài 17m, 01 dây dài 4,9m, 01 dây dài 2,9m; 01 (một) máy hàn màu xanh, nhãn hiệu "ARC 225 mos"; 01

(một) máy cắt hiệu Makta, màu xanh; 01 (một) ổ cắm điện với đoạn dây dẫn điện, bên ngoài có ống nhựa bao bọc, nhựa bị cháy và dây dẫn điện bị cháy hết lớp vỏ cách điện, lộ lõi đồng nhiều sợi, đứt đoạn; 02 (hai) đoạn dây kim loại, màu đồng, nhiều lõi đều không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Số lượng 1.371.914,04 kg hạt điều thô là tài sản hợp pháp của công ty N1. Cơ quan điều tra đã trả lại cho công ty N1 là đúng nên không xem xét lại.

[10]. Về trách nhiệm dân sự:

Công ty cổ phần Đ không yêu cầu Nguyễn Quốc D bồi thường nên không xét.

Công ty S không yêu cầu gì thêm nên không xét.

Ghi nhận việc công ty Đ bồi thường cho Công ty N1 số tiền 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng). Trong đó 300.000.000 đồng công ty N1 đã bồi thường cho công ty S và 1.700.000.000 đồng chi phí phát sinh như lãi ngân hàng, tiền thiệt hại do không kinh doanh được trong thời gian khắc phục cháy; tiền thuê kho bãi…

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Quốc D bồi hoàn cho công ty B2 và công ty B2 với số tiền 22.924.775.343 đồng.

[11] Về án phí: Bị cáo; công ty Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc D phạm tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy".

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 313; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; các Điều 30, 38; 50 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc D 07 (B) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 5 năm 2025.

2. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) đoạn que hàn đã sử dụng, một que dài 6,6cm, một que dài 6,2cm cùng đường kính 0,3cm; 01 (một) bó que hàn, kích thước (30x5,8)cm; 03 (ba) đoạn kim loại hình hộp cùng kích thước cạnh (3 x 6)cm, một đoạn dài 19cm, một đoạn dài 9,2cm và một đoạn dài 3,5cm; 01 (một) sợi dây điện màu đen dài 19,8m, một đầu dây gắn với kẹp kim loại màu đỏ; 01 (một) tủ điện bằng kim loại, kích thước (18,2x11,4)cm, bên trong gắn 01 cầu dao điện; 03 (ba) sợi dây điện cùng đường kính 1cm, 01 dây dài 17m, 01 dây dài 4,9m, 01 dây dài 2,9m; 01 (một) máy hàn màu xanh, nhãn hiệu "ARC 225 mos"; 01 (một) máy cắt hiệu Makta, màu xanh; 01 (một) ổ cắm điện với đoạn dây dẫn điện, bên ngoài có ống nhựa bao bọc, nhựa bị cháy và dây dẫn điện bị cháy hết lớp vỏ cách điện, lộ lõi đồng nhiều sợi, đứt đoạn; 02 (hai) đoạn dây kim loại, màu đồng, nhiều lõi.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 08/01/2026, giữa Công an tỉnh Đ và Phòng thi hành án dân sự khu vực 11- Đồng Nai).

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584,585, 589 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 16, Điều 54 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

- Ghi nhận việc công ty cổ phần Đ có trách nhiệm bồi thường cho Công ty TNHH N1 số tiền 2.000.000.000 đ (Hai tỷ đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Nguyễn Quốc D bồi hoàn cho công ty B2 và công ty B2 với số tiền 22.924.775.343 đồng.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc D phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 65.463.887 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với phần bồi thường.

Buộc công ty cổ phần Đ phải chịu 36.000.000đ (ba sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với phần bồi thường.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các Điều 331, 333 và 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Đồng Nai;*
- *VKSND khu vực 11-Đồng Nai;*
- *THADS tỉnh Đồng Nai;*
- *Trại tạm giam số 2;*
- *Công an tỉnh Đồng Nai;*
- *Bị cáo;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Thị Tịnh